

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**  
**YENBAI JOINT-STOCK FORES-AGRICULTURAL AND FOODSTUFFS COMPANY**

Address: 279 Nguyen Phuc – Yen Bai Ward – Lào Cai Province

Email: [Yfatuf@gmail.com](mailto:Yfatuf@gmail.com)

Website: [www.yfatuf.com.vn](http://www.yfatuf.com.vn)



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

### **QUÝ IV NIÊN ĐỘ 2024-2025**

Kính gửi:.....



**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG  
SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**  
**Mã CK: CAP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 277/KT

Yên Bái, ngày 19 tháng 10 năm 2025

*V/v giải trình chênh lệch 10% lợi  
nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm  
trước tại BCTC tổng hợp*

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

Thực hiện theo khoản 4, điều 14, chương III, thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020. Công ty cổ phần lâm nông sản thực phẩm Yên Bái xin giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế của kỳ này so với cùng kỳ năm trước như sau:

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty quý IV niên độ 2024-2025 (từ ngày 01/7/2025 đến 30/9/2025) có kết quả như sau:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN cho kỳ kế toán : 27.384.249.791 đồng  
quý IV niên độ 2024-2025
- Lợi nhuận sau thuế TNDN cho kỳ kế toán : 5.835.781.962 đồng  
quý IV niên độ 2023-2024
- Chênh lệch tăng : 369 %

**Nguyên nhân:**

- Giá tinh bột sắn tăng nhẹ, tiêu thụ hết sản phẩm tồn kho niên độ 2024-2025.
- Giá vốn hàng bán trên đơn vị sản phẩm giảm so với cùng kỳ.

Từ nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính tổng hợp năm nay tăng so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.





**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG  
SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**  
**Mã CK: CAP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: ...178.../KT  
V/v công bố thông tin

Yên Bái, ngày 19 tháng 10 năm 2025

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
2. Mã chứng khoán: CAP
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai
4. Điện thoại: 02163.862.278 - Fax: 02163.862.804
5. Người thực hiện công bố thông tin: Lương Quốc Quyền
6. Điện thoại: 0978.131.246
7. Loại thông tin công bố: ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ Bất thường ☐ Theo yêu cầu ☒ Định kỳ
8. Nội dung công bố thông tin:
  - 8.1. Báo cáo tài chính tổng hợp quý IV niên độ 2024-2025 (kỳ kế toán từ 01/7/2025 đến 30/9/2025):
    - Bảng cân đối kế toán;
    - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
    - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
    - Bản thuyết minh báo cáo tài chính;
  - 8.2. Nội dung giải trình:
    - Công văn số ...178.../KT ngày 19/10/2025 về việc giải trình chênh lệch 10% lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm trước của báo cáo tài chính tổng hợp.
9. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính tại [www.yfatuf.com.vn](http://www.yfatuf.com.vn)  
Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT.



**NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT**

**Lương Quốc Quyền**



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/09/2025)	Số đầu năm (01/10/2024)
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>222.388.789.856</b>	<b>243.977.602.153</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>9.611.326.275</b>	<b>94.467.547.790</b>
1. Tiền	111		9.611.326.275	64.467.547.790
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	30.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>130.000.000.000</b>	<b>0</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		130.000.000.000	0
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>66.829.993.473</b>	<b>33.862.902.087</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	59.074.735.399	28.457.078.662
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	4.032.406.689	4.395.329.964
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	3.835.041.360	1.122.683.436
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(112.189.975)	(112.189.975)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>15.876.312.593</b>	<b>115.588.167.636</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	15.876.312.593	115.588.167.636
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>71.157.515</b>	<b>58.984.640</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	71.157.515	58.984.640
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		0	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>55.502.367.590</b>	<b>25.985.903.798</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/09/2025)	Số đầu năm (01/10/2024)
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216		0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>15.455.770.584</b>	<b>21.473.979.949</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	<b>15.455.770.584</b>	<b>21.473.979.949</b>
- Nguyên giá	222		176.590.419.876	184.239.752.127
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(161.134.649.292)	(162.765.772.178)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	0	0
- Nguyên giá	228		171.000.000	171.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(171.000.000)	(171.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>39.715.470.097</b>	<b>3.649.987.888</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	39.715.470.097	3.649.987.888
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		0	0
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	V.13	<b>331.126.909</b>	<b>861.935.961</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	331.126.909	861.935.961
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/09/2025)	Số đầu năm (01/10/2024)
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>277.891.157.446</b>	<b>269.963.505.951</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>39.469.449.072</b>	<b>30.015.199.762</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>39.442.599.072</b>	<b>29.988.349.762</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11a	16.724.321.847	11.033.055.115
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	57.269.008	430.084.764
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	12.098.095.144	2.635.934.303
4. Phải trả người lao động	314		4.543.218.863	4.434.182.794
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	996.919.336	607.771.311
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	1.052.501.284	1.041.310.161
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		0	0
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		3.116.900.000	5.700.300.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	853.373.590	4.105.711.314
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>26.850.000</b>	<b>26.850.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.11b	1.850.000	1.850.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	25.000.000	25.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		0	0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0



**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

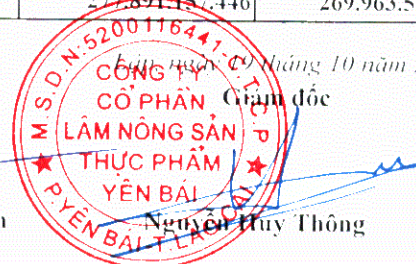
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/09/2025)	Số đầu năm (01/10/2024)
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>238.421.708.374</b>	<b>239.948.306.189</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>238.421.708.374</b>	<b>239.948.306.189</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		152.699.650.000	152.699.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		152.699.650.000	152.699.650.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		323.060.671	323.060.671
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		31.002.773.233	41.002.773.233
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		54.396.224.470	45.922.822.285
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.985.843.509	15.000.936.761
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		50.410.380.961	30.921.885.524
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Nguồn kinh phí	431		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>277.891.157.446</b>	<b>269.963.505.951</b>

Người lập biểu

Dương Ngọc Lâm

Kế toán trưởng

Lương Quốc Quyền



Ngày 30 tháng 10 năm 2025

Giám đốc

Nguyễn Huy Thông



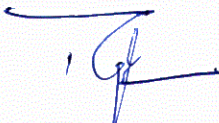
CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI  
Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025  
Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
Quý IV niên độ 2024-2025 (từ 01/07-30/09/2025)

Đơn vị tính: VND

CHI TIẾT	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ IV NIÊN ĐỘ 2024-2025		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			Năm nay (01/07/2025- 30/09/2025)	Năm trước (01/07/2024- 30/09/2024)	Năm nay (01/10/2024- 30/09/2025)	Năm trước (01/10/2023- 30/09/2024)
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	181.286.775.240	234.582.110.066	656.730.325.884	591.753.292.991
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	VI.1	181.286.775.240	234.582.110.066	656.730.325.884	591.753.292.991
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	138.397.549.503	208.054.034.898	549.548.020.496	500.302.959.031
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		42.889.225.737	26.528.075.168	107.182.305.388	91.450.333.960
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.764.509.196	575.333.618	10.457.668.960	3.688.559.422
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	21.040.361	2.191.985.315	534.245.116	3.482.758.293
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	180.868.884	0	1.425.148.781
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	7.043.042.590	10.427.522.007	30.488.927.591	26.369.942.119
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	4.609.945.262	3.965.616.665	24.032.315.544	23.852.628.306
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		33.979.706.720	10.518.284.799	62.584.486.097	41.433.564.664
11. Thu nhập khác	31	VI.7	0	8.905.256	0	35.562.600
12. Chi phí khác	32	VI.8	60.000.000	1.105.522.247	96.763.244	1.670.316.579
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(60.000.000)	(1.096.616.991)	(96.763.244)	(1.634.753.979)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		33.919.706.720	9.421.667.808	62.487.722.853	39.798.810.685
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	6.535.456.929	3.585.885.846	12.077.341.892	8.876.925.161
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		27.384.249.791	5.835.781.962	50.410.380.961	30.921.885.524
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	1.704	363	3.136	2.922

Người lập biểu



Dương Ngọc Lâm

Kế toán trưởng



Lương Quốc Quyền

Lào, ngày 19 tháng 10 năm 2025  
Chức vụ: Giám đốc  
  
Nguyễn Huy Thông



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI  
Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025  
Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
(Theo phương pháp gián tiếp) (\*)  
Quý IV niên độ 2024-2025 (từ 01/07-30/09/2025)

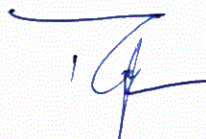
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay (01/10/2024-30/09/2025)	Năm trước (01/10/2023-30/09/2024)
I.	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		62.487.722.853	39.798.810.685
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		10.253.758.911	13.176.684.745
- Các khoản dự phòng	03		(2.583.400.000)	404.082.425
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(7.042.629.716)	1.075.063.300
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		0	(1.841.152.436)
- Chi phí lãi vay	06		0	1.425.148.781
- Các khoản điều chỉnh khác	07			-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		63.115.452.048	54.038.637.500
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(68.357.895.497)	(6.369.271.399)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		99.711.855.043	(84.093.846.038)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		15.278.795.911	1.235.900.270
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		518.636.177	(774.112.033)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(1.425.148.781)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.929.457.128)	(8.730.678.373)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	0
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.798.432.000)	(4.902.360.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		97.538.954.554	(51.020.878.854)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.269.915.488)	(7.313.963.156)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(130.000.000.000)	-



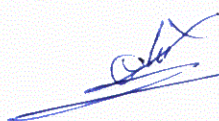
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay (01/10/2024- 30/09/2025)	Năm trước (01/10/2023- 30/09/2024)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			117.400.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.880.794.128	5.504.155.724
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(131.389.121.360)</b>	<b>115.590.192.568</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			0
3. Tiền thu từ di vạy	33		0	83.528.774.154
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		0	(83.528.774.154)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(50.988.669.435)	(50.242.835.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(50.988.669.435)</b>	<b>(50.242.835.500)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(84.838.836.241)</b>	<b>14.326.478.214</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>94.467.547.790</b>	<b>80.955.321.149</b>
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(17.385.274)	(814.251.573)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>9.611.326.275</b>	<b>94.467.547.790</b>

Người lập biểu



Dương Ngọc Lâm

Kế toán trưởng



Lương Quốc Quyền



19 tháng 10 năm 2025

Chức danh

Nguyễn Huy Thông



# CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, dịch vụ
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:**
  - Chế biến, gia công, kinh doanh lâm sản;
  - Chế biến, gia công, kinh doanh nông sản thực phẩm;
  - Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa tổng hợp;
  - Sản xuất, chế biến tinh dầu quế và các sản phẩm từ quế
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
5. **Cấu trúc doanh nghiệp:**

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

*Bao gồm:*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy giấy Yên Bình	Thôn Hợp Thịnh, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai
Nhà máy giấy Văn Chấn	Thôn Hán, xã Thượng Bằng La, tỉnh Lào Cai
Nhà máy giấy Minh Quân	Thôn Liên Hiệp, phường Âu Lâu, tỉnh Lào Cai
Nhà máy gia công giấy xuất khẩu Nguyễn Phúc	Đường Nguyễn Phúc, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai
Nhà máy sản Văn Yên	Thôn Cầu Khai, xã Đông Cuông, tỉnh Lào Cai
Nhà máy chế biến tinh dầu quế Văn Chấn	Thôn Bản Đông, xã Sơn Lương, tỉnh Lào Cai
Nhà máy gia công giấy Phú Thịnh	Thôn Hợp Thịnh, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai
Nhà máy giấy Yên Hợp	Thôn Yên Hợp 2, xã Xuân Ái, tỉnh Lào Cai

#### II. KÝ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Ký kế toán năm**

Ký kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm sau.

Theo nghị quyết Đại hội Đồng Cổ Đông năm 2018 riêng năm tài chính đầu 2019 của việc chuyển đổi được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính



# CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### 2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.



# CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Đối với máy móc thiết bị của Dự án sản Văn Yên số 2 áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng, công suất thiết kế của dự án là 110.000 tấn sản phẩm (100 tấn sản phẩm/ngày, sản xuất 100 ngày/năm và thực hiện trong vòng 11 năm).

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Tại thời điểm lập báo cáo này phần mềm máy vi tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

Các tài sản cố định còn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

### 5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh đến 12 tháng và trên 12 tháng.

### 6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Phân ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

### 9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

---

#### 10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền chi cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ có tính chất kế hoạch và xảy ra thường xuyên.

#### 11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 30/09/2025: NH Bidv: 26.235 VND/USD; NH Techcombank: 26.265 VND/USD; NH Vietinbank: 26.065 VND/USD; NH Vietcombank: 26.206 VND/USD; NH Bidv: 3.672 VND/CNY.

#### 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

#### 13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

#### 14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

#### 15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bao hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....



## CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

#### 16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Đối với thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất, chế biến nông sản tại các Nhà máy sản xuất, chế biến các sản phẩm từ sản tại địa bàn huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (thuộc địa bàn kinh tế- xã hội khó khăn) thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thuế với suất thuế TNDN 10% trong suốt thời gian hoạt động (Áp dụng kể từ 01/01/2015).

Các dự án còn lại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng.

#### 17. Tài sản tài chính

##### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

*Các khoản cho vay và phải thu*



## CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

#### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phải sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

#### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## 18. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

#### *Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

#### *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.



# CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### *Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### *Công cụ tài chính phức hợp*

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phải sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

## 19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## 20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## 21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.



V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền			Cuối kỳ (30/09)	Đầu năm (01/10)
Tiền mặt			1.150.300.778	1.087.891.570
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn			8.461.025.497	63.379.656.220
Các khoản tương đương tiền			-	30.000.000.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng			-	-
			9.611.326.275	94.467.547.790
2. Đầu tư tài chính			Đầu năm	
	Cuối kỳ			
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn khác	130.000.000.000	130.000.000.000	0	-
Cộng	130.000.000.000	130.000.000.000	0	-
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng			Cuối kỳ (30/09)	Đầu năm (01/10)
JIN CAI SHEN TECHNOLOGY CO., LTD			14.634.143.514	12.210.846.532
Công ty TNHH Giấy xuất khẩu Thái Bình			8.603.528.075	3.100.203.021
Công ty TNHH Thương mại Giang Biên			2.296.397.059	2.515.159.449
HTX tiêu thụ công nghiệp dịch vụ tổng hợp Dũng Thành Phát			2.505.160.456	2.717.902.420
Công ty TNHH Thương Mại Phúc Hưng			4.244.560.524	0
Công Ty TNHH Giấy Nhân Thành			1.964.524.350	41.005.440
Công ty TNHH Bắc Hà			3.192.693.600	0
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Tân Phát Đạt			8.332.600.002	0
Công Ty TNHH Nông Nghiệp Quốc Tế TPP			3.035.280.000	0
Các khách hàng khác			10.265.847.819	7.871.961.800
Cộng			59.074.735.399	28.457.078.662
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn			Cuối kỳ (30/09)	Đầu năm (01/10)
Công ty cổ phần Chứng nhận và Giám định Quốc tế ISO CER			0	42.630.000
Công ty cổ phần NEXTECH ECOLIFE			609.000.000	609.000.000
Công ty CP do đặc bản đồ Quân Tiến			143.000.000	198.000.000
Công ty TNHH MTV Tràng An 168			2.521.152.000	1.261.440.000
Công ty CP HTC Power			500.000.000	1.641.286.000
Các nhà cung cấp khác			259.254.689	642.973.964
Cộng			4.032.406.689	4.395.329.964



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Cuối kỳ (30/09)		Đầu năm (01/10)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	1.858.440.000		1.006.000.000	
Lãi tiền gửi dự thu	1.877.123.289		0	
Thuế TNCN phải thu	5.970.488		79.558.436	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	93.507.583		37.125.000	
Cộng	3.835.041.360		1.122.683.436	-

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(112.189.975)		(112.189.975)
Trích lập dự phòng bổ sung			-
Giảm do xóa nợ	-		-
Số cuối kỳ			(112.189.975)

7. Hàng tồn kho	Cuối kỳ (30/09)		Đầu năm (01/10)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu:	9.988.105.335		8.442.099.248	
Chi phí sản xuất KD dở	2.640.851.571		2.147.348.795	
Thành phẩm:	3.247.355.687	-	101.714.302.416	
Hàng gửi đi bán:	0		3.284.417.177	
Cộng	15.876.312.593	-	115.588.167.636	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
Phân bổ chi phí sửa chữa lớn Nhà máy sản Văn Yên	0	58.984.640
Chi phí cắt cùi Nhà máy sản Văn Yên	71.157.515	0
Cộng	71.157.515	58.984.640

9. Chi phí trả trước dài hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
- Bổ sung PA cải tạo HT XLNT Yên Bình	69.299.580	346.497.912
- Lập hồ sơ cấp giấy phép xả thải Yên Bình, Văn Chấn, Minh Quân	82.754.641	413.773.153
- Phí hồ sơ khai thác sử dụng nước mặt Yên Hợp, Minh Quân	79.072.688	101.664.896
- Tiền đặt báo pháp luật Việt Nam	100.000.000	0
Cộng	331.126.909	861.935.961

10. Phải thu dài hạn khác	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Thuế của nhà thầu nước ngoài	0	0	0	0
Cộng	0	0	0	0



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI  
Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam  
BẢO CAO TÀI CHÍNH TONG HOP  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025  
Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quan lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	78.906.819.602	98.026.318.411	6.762.011.985	88.450.000	456.152.129	184.239.752.127
Tăng trong kỳ	298.421.472	3.971.494.016	-	-	-	4.269.915.488
-Do mua sắm mới	-	3.826.576.037	-	-	-	3.826.576.037
-Do phân loại TSCĐ	-	-	-	-	-	-
-Do XDCB hoàn thành	298.421.472	144.917.979	-	-	-	443.339.451
Giảm trong kỳ	(408.793.214)	(10.873.291.396)	(181.011.000)	-	(456.152.129)	(11.919.247.739)
- Thanh lý, nhượng bán	(408.793.214)	(10.873.291.396)	(181.011.000)	-	(456.152.129)	(11.919.247.739)
Số cuối kỳ	78.796.447.860	91.124.521.031	6.581.000.985	88.450.000	-	176.590.419.876
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn SD	58.019.010.416	59.980.998.994	3.868.437.349	88.450.000	-	121.956.896.759
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	67.888.867.581	88.907.324.318	5.424.978.150	88.450.000	456.152.129	162.765.772.178
- Tăng do trích khấu hao trong kỳ	4.174.328.355	5.627.336.616	452.093.940	-	-	10.253.758.911
- Tăng do điều chỉnh phân loại	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	(408.793.214)	(10.838.925.454)	(181.011.000)	-	(456.152.129)	(11.884.881.797)
- Thanh lý, nhượng bán	(408.793.214)	(10.838.925.454)	(181.011.000)	-	(456.152.129)	(11.884.881.797)
Số cuối kỳ	71.654.402.722	83.695.735.480	5.696.061.090	88.450.000	-	161.134.649.292
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	11.017.952.021	9.118.994.093	1.337.033.835	-	-	21.473.979.949
Số cuối kỳ	7.142.045.138	7.428.785.551	884.939.895	-	-	15.455.770.584

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình			
-Là phần mềm kế toán cũ năm 2006 đã được thanh lý và thay thế phần mềm kế toán FAST 11 đưa vào sử dụng từ 01/01/2018	Nguyên giá	Giá trị KH kỳ	Giá trị đã KH
	171.000.000	0	171.000.000
Phần mềm Kế toán			0



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	3.526.152.120	72.703.852	72.703.852	0	3.526.152.120
- Giải phóng mặt bằng mở rộng nhà máy sản Văn Yên số 2	3.033.652.120	0	0	0	3.033.652.120
- Giải phóng mặt bằng, sửa chữa mở rộng nhà máy giấy Minh Quân	312.500.000	0	0	0	312.500.000
- Giải phóng mặt bằng, sửa chữa mở rộng nhà máy giấy Văn Chấn	180.000.000	0	0	0	180.000.000
- Hệ thống quan trắc tự động NM Sản Văn Yên năm 2025	0	72.703.852	72.703.852	0	0
Sửa chữa lớn tài sản cố định	123835768	42.012.882.901	-	5.947.400.692	36.189.317.977
- Nhà máy giấy Yên Bình	0	1.850.318.263	0	1.850.318.263	0
- Nhà máy giấy Văn Chấn	0	181.433.245	0	181.433.245	0
- Nhà máy giấy Minh Quân	0	729.180.909	0	729.180.909	0
- Nhà máy giấy Yên Hợp		101.654.369	0	101.654.369	0
- Nhà máy gia công giấy xuất khẩu khẩu Nguyễn Phúc		22.165.200	0	22.165.200	0
- Phương án cải tạo -NM sản văn Yên	123.835.768	39.128.130.915	0	3.062.648.706	36.189.317.977
Cộng	3.649.987.888	42.085.586.753	72.703.852	5.947.400.692	39.715.470.097



**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH An Hoa	1.235.646.000	1.022.520.000
Công ty TNHH thương mại hóa chất Ngọc Diệp	178.349.068	491.840.026
Công ty cổ phần Quốc Tế Thanh Bình	636.925.800	246.502.993
Công ty TNHH MTV Vũ Ngọc Nam	1.211.760.000	0
Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào Cai	965.719.094	0
Công ty TNHH MTV Tuấn Sang Tây Ninh	3.337.793.550	0
Các nhà cung cấp khác	9.158.128.335	9.272.192.096
<b>Cộng</b>	<b>16.724.321.847</b>	<b>11.033.055.115</b>

**15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH xuất nhập khẩu Viên Phú	0	253.903.884
Công ty Cổ Phần xây dựng và Công nghệ Vĩnh Tường	0	130.902.400
Các khách hàng khác	57.269.008	45.278.480
<b>Cộng</b>	<b>57.269.008</b>	<b>430.084.764</b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp**

	Đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	243.187.138		9.608.791.646	4.293.728.069	5.558.250.715	0
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	0		131.795.409	131.795.409	0	
Thuế nhập khẩu	0		4.380.175	4.380.175	0	
Thuế TNDN	2.387.572.165		12.077.341.892	7.929.457.128	6.535.456.929	
Thuế TNCN	0	0	3.948.304.862	3.948.304.862	0	0
Thuế tài nguyên - cấp quyền khai thác nước mặt	5.175.000		356.441.925	357.229.425	4.387.500	
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	0		238.120.535	238.120.535	0	
Các loại thuế khác	0		11.205.842	11.205.842		
<b>Cộng</b>	<b>2.635.934.303</b>	<b>-</b>	<b>26.376.382.286</b>	<b>16.914.221.445</b>	<b>12.098.095.144</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

<b>17. Chi phí phải trả ngắn hạn</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Phí bảo vệ môi trường rừng, thuế tài nguyên	17.749.000	17.505.000
Chi phí tiền điện (các NM)	357.064.560	505.007.133
Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải CN	264.901.101	85.259.178
Chi phí bốc xếp Nhà máy sản Văn Yên	357.204.675	0
Chi phí phải trả ngắn hạn khác		0
<b>Cộng</b>	<b>996.919.336</b>	<b>607.771.311</b>

<b>18. Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Kinh phí công đoàn	128.046.538	65.546.050
Bao hiểm xã hội	649.830.250	620.046.200
Cổ tức phải trả	25.429.005	0
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	249.195.491	355.717.911
<b>Cộng</b>	<b>1.052.501.284</b>	<b>1.041.310.161</b>

<b>19. Vay, nợ thuê TC ngắn hạn</b>	<b>Đầu năm</b>		<b>Cuối kỳ</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Khả năng trả nợ</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Khả năng trả nợ</b>
Vay ngắn hạn NII Bids Ybái	0	0	0	0
Vay ngắn hạn NII Vietin Bank YBá	0	0	0	0
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**Chi tiết phát sinh các khoản vay trong kỳ như sau:**

	<b>Đầu năm</b>	<b>Số tiền vay phát sinh trong</b>	<b>Số tiền vay đã trả trong kỳ</b>	<b>Cuối kỳ</b>
Vay ngắn hạn NH Bids Ybái	0	0	0	0
Vay ngắn hạn NII Vietin Bank YBá	0	0	0	0
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

<b>20. Dự phòng phải trả ngắn hạn</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Trích trước chi phí vật kiến trúc các Nhà máy	0	0
Tiền lương bổ sung	3.116.900.000	5.700.300.000
<b>Cộng</b>	<b>3.116.900.000</b>	<b>5.700.300.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****21. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	Đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi	Chi quỹ trong kỳ	Cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	2.245.203.181	1.546.094.276	3.791.297.457	0
Quỹ phúc lợi	1.860.508.133	0	1.007.134.543	853.373.590
	<b>4.105.711.314</b>	<b>1.546.094.276</b>	<b>4.798.432.000</b>	<b>853.373.590</b>

**22. Phải trả người bán dài hạn**

Công ty TNHH thiết bị công nghiệp HTC Vĩnh Phúc  
**Cộng**

Cuối kỳ	Đầu năm
1.850.000	1.850.000
<b>1.850.000</b>	<b>1.850.000</b>

**23. Phải trả dài hạn khác**

Ông Hà Xuân Quang  
Công ty TNHH DV vận tải Đỗ Cường  
**Cộng**

Cuối kỳ	Đầu năm
5.000.000	5.000.000
20.000.000	20.000.000
<b>25.000.000</b>	<b>25.000.000</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025
Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

24
Vốn đầu tư của chủ sở hữu

a.
Bảng đối chiếu biến động của chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn CP	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	Số dư đầu tư của chủ sở hữu					
Số dư đầu năm trước	100.529.200.000		323.060.671	41.002.773.233	123.156.432.229	265.011.466.133
Lợi nhuận trong kỳ					30.921.885.524	30.921.885.524
Trích lập các quỹ trong kỳ					(5.720.445.468)	(5.720.445.468)
Tăng vốn ĐL từ lợi nhuận	52.170.450.000				(52.170.450.000)	-
Chi cổ tức trong năm					(50.264.600.000)	(50.264.600.000)
Thường Ban lãnh đạo					-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>152.699.650.000</b>		<b>323.060.671</b>	<b>41.002.773.233</b>	<b>45.922.822.285</b>	<b>239.948.306.189</b>
Số dư đầu năm nay	152.699.650.000		323.060.671	41.002.773.233	45.922.822.285	239.948.306.189
Lợi nhuận trong kỳ					50.410.380.961	50.410.380.961
Trích lập các quỹ trong kỳ					(1.546.094.276)	(1.546.094.276)
Tăng vốn ĐL từ lợi nhuận					-	-
Chia cổ tức, lợi nhuận				(10.000.000.000)	(40.390.884.500)	(50.390.884.500)
Thường Ban lãnh đạo					-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>152.699.650.000</b>		<b>323.060.671</b>	<b>31.002.773.233</b>	<b>54.396.224.470</b>	<b>238.421.708.374</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Vốn góp của các cổ đông	152.699.650.000	152.699.650.000
Thặng dư vốn cổ phần	323.060.671	323.060.671
<b>Cộng</b>	<b>153.022.710.671</b>	<b>153.022.710.671</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	152.699.650.000	152.699.650.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	50.264.600.000	0

**d) Cổ phiếu**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	15.269.965	15.269.965
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong tháng 3+tháng 6/2024 từ LNST chưa phân phối	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	<b>15.269.965</b>	<b>15.269.965</b>

**d) Cổ tức**

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	3.136	1.924

**e) Các quỹ của doanh nghiệp:**

- Quỹ đầu tư phát triển:	31.002.773.233	41.002.773.233
--------------------------	----------------	----------------

**25. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công:	3.908.686.096	6.268.192.365
Ngoại tệ các loại USD:	28.402,64	2.076.663,96
Ngoại tệ các loại CNY:	-	3.093.451,84

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>Năm nay</b>	<b>Đơn vị tính: VND Năm trước</b>
<b>1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>656.730.325.884</b>	<b>591.753.292.991</b>
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	656.730.325.884	591.753.292.991
<b>Trong đó:</b> Doanh thu nội địa	297.730.885.208	217.409.562.535
DT xuất khẩu trực tiếp	358.999.440.676	374.343.730.456
- DT Sản phẩm Giấy vàng mã	50.843.843.877	42.677.138.982
Tương đương Tiền USD	1.938.015,78	1.749.063,07
- DT Sản phẩm Giấy để XK	32.626.953.059	29.981.843.436
Tương đương Tiền USD	1.243.642,20	1.228.764,08
- DT Sản phẩm Tinh bột sắn	275.528.643.740	301.684.748.038
Quy ra USD	10.502.330,62	12.364.129,02
Tổng cộng USD:	<b>13.683.988,59</b>	<b>15.341.956,17</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>656.730.325.884</b>	<b>591.753.292.991</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	0	0
<b>3. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Giá vốn của thành phẩm đã bán:	549.548.020.496	500.302.959.031
	<b>549.548.020.496</b>	<b>500.302.959.031</b>
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.721.289.562	1.841.152.436
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	7.179.652.108	1.632.235.798
- Lãi C/lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục		
tiền tệ có gốc ngoại tệ	397.222.724	0
- Chiết khấu thanh toán	159.504.566	215.171.188
<b>Cộng</b>	<b>10.457.668.960</b>	<b>3.688.559.422</b>
<b>5. Chi phí tài chính</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Chi phí lãi vay	-	1.425.148.781
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	534.245.116	982.546.212
- Lỗ C/lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục		
tiền tệ có gốc ngoại tệ	0	1.075.063.300
- Chi phí tài chính khác		
	<b>534.245.116</b>	<b>3.482.758.293</b>
<b>6. Thu nhập khác</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Thu từ xử lý công nợ nhỏ lẻ	0	35.562.600
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>35.562.600</b>
<b>7. Chi phí khác</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Các khoản bị phạt; chậm nộp	62.397.302	1.668.827.142
- Chi phí khác	0	1.489.437
- Lỗ thanh lý TSCĐ	34.365.942	0
<b>Cộng</b>	<b>96.763.244</b>	<b>1.670.316.579</b>
<b>8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên quản lý	12.652.008.496	13.480.345.563
Chi phí vật liệu quản lý	419.393.785	417.290.296
Chi phí đồ dùng văn phòng	147.616.834	321.435.109
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.853.919.070	2.132.115.193
Thuế, phí và lệ phí	605.620.614	946.192.167
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.200.515.890	860.163.825
Chi phí dự phòng trợ cấp thôi việc	535.639.924	381.386.225
Chi phí bằng tiền khác	6.617.600.931	5.313.699.928
<b>Cộng</b>	<b>24.032.315.544</b>	<b>23.852.628.306</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

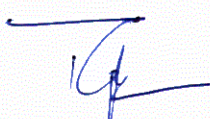
#### b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

- Chi phí cho nhân viên	0	0
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.196.747.247	26.265.940.792
- Chi phí khác	292.180.344	104.001.327
<b>Cộng</b>	<b>30.488.927.591</b>	<b>26.369.942.119</b>

#### 9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

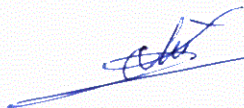
	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	12.077.341.892	8.876.925.161
<b>Cộng</b>	<b>12.077.341.892</b>	<b>8.876.925.161</b>

Người lập biểu



Dương Ngọc Lâm

Kế toán trưởng



Lương Quốc Quyền





CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Ban thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty

Năm nay	Tại Văn phòng Công ty (hoạt động khác)	Giấy để	Giấy vàng mã	Tinh bột sắn	Tinh dầu quế	Giấy lễ	Loại trừ nội bộ	Cộng	Đơn vị tính: VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài		226.070.439.609	50.843.843.877	379.236.261.840	-	579.780.558	-	656.730.325.884	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	8.324.568.400	45.578.032.535	9.726.916.052	80.977.231.200	-		(144.606.748.187)	-	
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>8.324.568.400</b>	<b>271.648.472.144</b>	<b>60.570.759.929</b>	<b>460.213.493.040</b>	<b>-</b>	<b>579.780.558</b>	<b>(144.606.748.187)</b>	<b>656.730.325.884</b>	
Chi phí bộ phận	-	189.797.708.315	40.656.699.231	373.035.075.526	-			603.489.483.072	
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	-	36.272.731.294	10.187.144.646	6.201.186.314	-			52.661.062.254	
Các khoản giảm trừ Doanh thu								-	
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-						10.457.668.960	
Chi phí tài chính	-							(534.245.116)	
Thu nhập khác	-							-	
Chi phí khác	-							(96.763.244)	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-			(12.077.341.892)	
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>50.410.380.961</b>	



**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**  
Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025  
**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Tại Văn phòng Công ty (hoạt động khác)	Giấy để	Giấy vàng mã	Tình bột sản	Tình dầu quế	Cộng
<b>Số cuối năm</b>						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	223.518.592.257	13.670.663.052	1.389.095.763	39.312.806.374	-	277.891.157.446
Tài sản phân bổ cho bộ phận	(12.589.267.075)	3.492.985.135	281.604.249	8.814.677.691	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng tài sản</b>	<b>210.929.325.182</b>	<b>17.163.648.187</b>	<b>1.670.700.012</b>	<b>48.127.484.065</b>	<b>-</b>	<b>277.891.157.446</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	(14.903.116.117)	13.670.663.052	1.389.095.763	39.312.806.374	-	39.469.449.072
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>(14.903.116.117)</b>	<b>13.670.663.052</b>	<b>1.389.095.763</b>	<b>39.312.806.374</b>	<b>-</b>	<b>39.469.449.072</b>
<b>Số đầu năm</b>						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	155.632.351.094	11.516.958.496	1.322.953.655	101.491.242.706	-	269.963.505.951
Tài sản phân bổ cho bộ phận	(17.683.798.400)	4.409.227.947	526.643.620	12.747.926.833	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng tài sản</b>	<b>137.948.552.694</b>	<b>15.926.186.443</b>	<b>1.849.597.275</b>	<b>114.239.169.539</b>	<b>-</b>	<b>269.963.505.951</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	(84.315.955.095)	11.516.958.496	1.322.953.655	101.491.242.706	-	30.015.199.762
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>(84.315.955.095)</b>	<b>11.516.958.496</b>	<b>1.322.953.655</b>	<b>101.491.242.706</b>	<b>-</b>	<b>30.015.199.762</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: SN279, Đường Nguyễn Phúc, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2025

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước (nội địa) và khu vực nước ngoài (xuất khẩu)

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

Đơn vị tính: VND

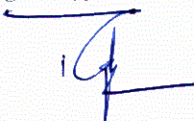
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khu vực nội địa	297.730.885.208	217.409.562.535
Khu vực xuất khẩu	358.999.440.676	374.343.730.456
<b>Cộng</b>	<b><u>656.730.325.884</u></b>	<b><u>591.753.292.991</u></b>

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

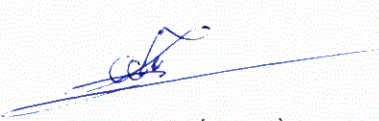
Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	(4.269.915.488)	(7.313.963.156)
<b>Cộng</b>	<b><u>(4.269.915.488)</u></b>	<b><u>(7.313.963.156)</u></b>

Người lập biểu

  
Dương Ngọc Lâm

Kế toán trưởng

  
Lương Quốc Quyền



Chức vụ Giám đốc

  
Nguyễn Huy Thông